

Vườn Quốc gia Cát Bà

Tên khác

Không có

Tỉnh

Hải Phòng

Tình trạng

Nghị định

Ban quản lý được thành lập

Có

Vĩ độ

20°44' - 20°51' vĩ độ Bắc

Kinh độ

106°58' - 107°10' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

06a - Nhiệt đới nam Trung Hoa



Tình trạng bảo tồn

Vườn Quốc gia Cát Bà nằm ở đảo Cát Bà là một hòn đảo lớn ngoài khơi thành phố Hải Phòng. Việc thành lập Vườn Quốc gia Cát Bà được thực hiện theo các quy định trong Quyết định số 79/CT, ngày 31/03/1986, của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Bộ NN và PTNT 1997). Diện tích được đưa ra trong quyết định này là 15.200 ha, bao gồm 9.800 ha của đảo Cát Bà và một số hòn đảo nhỏ và 5.400 ha diện tích vùng biển xung quanh. Do đó, Vườn Quốc gia Cát Bà là khu bảo vệ đầu tiên của Việt Nam có phân khu bảo tồn biển.

Dự án đầu tư Vườn Quốc gia Cát Bà đã được phê chuẩn ngày 01/08/1991 theo Quyết định Số 271/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Một Ban Quản lý đã được thành lập với nhiệm vụ quản lý 9.800 ha diện tích trên đảo của vườn quốc gia, trong khi đó 5.400 ha phân khu bảo tồn biển vẫn chịu sự quản lý của Hạt Quản lý nguồn lợi thủy sản huyện Cát Hải (ADB 1999). Tình trạng của phân khu bảo tồn biển trong tương lai không rõ ràng, không rõ nó sẽ thuộc sự quản lý của Ban Quản lý Vườn Quốc gia hay sẽ là một khu bảo tồn biển độc lập (xem phiếu thông tin Đảo Cát Bà).

Địa hình và thủy văn

Vườn Quốc gia Cát Bà thuộc địa phận huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Trung tâm của Vườn Quốc gia là đảo Cát Bà rộng 28.5000 ha nằm cách thành phố Hải Phòng 30 km về phía đông và sát ngay phía tây của vịnh Hạ Long. Vườn quốc gia cũng bao gồm một số hòn đảo nhỏ và các vùng biển ở phía đông đảo Cát Bà.

Giống như vịnh Hạ Long, cảnh quan chủ yếu ở Vườn Quốc gia Cát Bà là các vùng đá vôi trồi lên trên mặt biển. Địa hình gồ ghề lởm chởm và với những mỏm đá nổi cộm lên. Vườn quốc gia nằm trong khoảng độ cao từ mặt biển đến 331 m ở đỉnh núi Cao Vọng.

Địa hình đảo Cát Bà có kiểu cảnh quan vùng cát-tơ già điển hình, sự tiêu thoát nước ở đây rất phức tạp do hệ thống dẫn ngầm đảm bảo phần lớn việc tiêu thoát nước ngay trong vườn quốc gia. Trung tâm của đảo Cát Bà nằm cách bờ biển khoảng 5 km và do đó các khe suối tiêu thoát nước bề mặt không phát triển và chỉ theo mùa.

Đa dạng sinh học

Vườn Quốc gia Cát Bà có mức độ đa dạng rất cao về hệ sinh thái bao gồm rừng ở chân núi, rừng

trên núi đá vôi, các hồ nước ngọt nhỏ, rừng trong đầm nước ngọt, rừng ngập mặn, bãi cát và các rạn san hô. Kiểu thảm thực vật tự nhiên chính trên đảo Cát Bà là rừng trên núi đá vôi. Tuy nhiên, rừng ở đây đang bị tác động ở mức độ cao, nhiều vùng rộng lớn ở đây đã bị thay thế bởi thảm cây bụi trên núi đá vôi hay các mỏm đá trọc. Ngoài ra, có một số diện tích rừng ngập mặn dọc theo bờ của đảo Cát Bà, tuy nhiên, hầu hết chúng nằm bên ngoài vườn quốc gia và phần lớn ở trong vùng các ao nuôi trồng thủy sản. Đến nay, đã có 839 loài thực vật bậc cao có mạch được ghi nhận trong vườn quốc gia, trong đó có 25 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (Anon 1997).

Do sự cách ly tự nhiên của đảo với đất liền và mức độ săn bắn cao, nên sự đa dạng và phong phú của các loài thú ở Cát Bà thấp so với các vườn quốc gia khác ở Việt Nam. Theo Nadler và Hà Thăng Long (2000) thì chỉ có một số ít loài thú lớn hiện còn có trên đảo là Sơn dương *Naemorhedus sumatraensis*, Lợn rừng *Sus scrofa* và Hoẵng (mang) *Muntiacus muntjak* nhưng cũng chỉ có sơn dương là còn tương đối phổ biến. Đáng chú ý nhất về mặt bảo tồn đó là Vườn Quốc gia Cát Bà hiện là nơi cư trú của một quần thể phân loài Voọc đầu trắng *Semnopithecus francoisi poliocephalus* duy nhất trên thế giới. Kết quả điều tra chi tiết về loài linh trưởng đặc hữu này trong các năm 1999 và 2000 chỉ ra rằng quần thể Voọc đầu trắng ở đây chỉ còn khoảng từ 104 đến 135 cá thể, trong đó có từ 50 đến 75 con trưởng thành (Nadler và Hà Thăng Long 2000).

Các sinh cảnh núi đá vôi ở Vườn Quốc gia Cát Bà rất quan trọng đối với hàng loạt các taxon động vật không xương sống. Theo một điều tra năm 1998 đã chỉ ra rằng do có rất nhiều hốc ẩm thích hợp trong các vùng rừng trên đá vôi, nên vườn quốc gia có một khu hệ ốc sên rất phong phú và đa dạng (Vermulen và Whitten 1998).

Các vấn đề về bảo tồn

Trước năm 1979, dân số trên đảo Cát Bà tương đối thấp. Tuy nhiên, sau thời gian đó, một số lượng lớn dân đã di cư từ đất liền đến định cư trên đảo. Năm 1999, tổng dân số của đảo Cát Bà

là 10.673 người. Trong đó có 70% dân số sống tại thị trấn Cát Bà, hầu hết số dân này sống bằng nghề đánh bắt thủy sản, buôn bán và dịch vụ. Dân cư sống ở các thôn xóm trong hoặc gần vườn quốc gia chủ yếu là nông dân, họ khai thác lâm sản rất mạnh. Những loại lâm sản bị khai thác nhiều nhất là gỗ, củi đốt, mật ong, măng, các loại củ ăn được, ếch nhái và tắc kè (Nadler và Hà Thăng Long 2000).

Đến năm 1989, vẫn còn một lâm trường khai thác gỗ trên đảo Cát Bà, điều đó đã dẫn đến mất hầu hết thảm rừng ở các thung lũng và phần phía tây nam của đảo. Đến nay, việc khai thác gỗ thương mại không còn nữa do số lượng cây gỗ lớn còn lại không nhiều, tuy nhiên, khai thác ở quy mô nhỏ vẫn diễn ra phục vụ cho nhu cầu sử dụng tại chỗ. Thu mật ong thường diễn ra vào khoảng từ tháng 8 đến tháng 10 một và trong tháng 5. Những nhóm người đi thu mật ở liên tục 1 đến 2 tuần trong rừng, trong thời gian đó họ cũng săn bắn chim thú để bổ sung cho khẩu phần ăn. Ngoài ra, cách thu mật ong của người dân ở đây cũng thường gây ra cháy rừng (Nadler và Hà Thăng Long 2000).

Nadler và Hà Thăng Long (2000) cho rằng săn bắn là mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với các quần thể động vật ở đảo Cát Bà, và đặc biệt là với quần thể Voọc đầu trắng đặc hữu. Trong khoảng từ 1970-1986, ước tính có 500-800 con voọc bị giết, và trong những năm 1990s, tối thiểu có 90 cá thể bị giết hoặc bị bắt. Nadler và Hà Thăng Long (2000) đã cảnh báo nếu không cải thiện các biện pháp bảo vệ, quần thể voọc còn lại này sẽ phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong thời gian ngắn.

Trong những năm gần đây, du lịch đã trở thành trọng tâm của nền kinh tế địa phương. Tuy nhiên, phát triển du lịch thiếu kiểm soát đã bắt đầu đe dọa đến môi trường của đảo, đây là sự thật mà các cán bộ vườn đã thừa nhận (M. Appleton pers. comm.). Trên thực tế, nếu phát triển có cân nhắc đến môi trường thì du lịch có tiềm năng đóng góp một cách tích cực cho công tác bảo tồn ở Vườn Quốc gia Cát Bà, thông qua bổ sung thêm nguồn thu và góp phần nâng cao nhận thức môi trường.

Các giá trị khác

Mỗi năm, Cát Bà đón một số lượng rất lớn du khách cả trong nước và quốc tế. Một phần đáng kể trong số đó đã đến thăm vườn quốc gia cả bằng đường bộ bằng đường mòn hay đi thuyền qua phân khu bảo tồn biển. Do vậy, vườn quốc gia có thể được coi là đã có những đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế đảo.

Các dự án có liên quan

Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên Thế Giới- WWF đã bắt đầu một dự án giáo dục môi trường quy mô nhỏ tại Vườn Quốc gia Cát Bà từ năm 1999. Bước đầu sẽ là thành lập một trung tâm giáo dục môi trường ở văn phòng vườn quốc gia và qua đó cải thiện cơ sở vật chất hạ tầng cho việc đón tiếp du khách. Một số đợt tuyên truyền giáo dục sẽ được tiến hành tại các trường ở thị trấn Cát Bà để nâng cao nhận thức về vườn quốc gia và các hoạt động của nó. Dự án này được tài trợ bởi Đại sứ quán Vương quốc Hà Lan với sự đóng góp của Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên Thế giới (WWF) và Vườn Quốc gia Cát Bà. Tuy nhiên, nguồn vốn chủ yếu đã kết thúc tháng 5 năm 2000, một số hoạt động nhỏ vẫn tiếp tục nhưng với rất ít sự tham gia từ bên ngoài.

Tháng 6 năm 2000, Tổ chức Bảo vệ Động thực vật Quốc tế - FFI Chương trình Đông Dương đã nhận được tài trợ của Đại sứ Anh để tiến hành một dự án bảo tồn tại đảo Cát Bà. Dự án này sẽ bao gồm phần giáo dục môi trường và phần nghiên cứu sinh học. Hy vọng dự án này sẽ là giai đoạn khởi đầu cho một dự án lớn hơn với mục tiêu chính là bảo tồn in-situ loài Voọc đầu trắng.

Tài liệu tham khảo

ADB (1998) Coastal and marine environmental management in the South China Sea (East Sea): phase 2, inception report. Hanoi: Asian Development Bank.

Anon. (1997) [Report on the seminar on development planning for the Ha Long-Cat Ba tourism area, 28-30 April 1997]. Ha Long: Quang

Ninh Provincial People's Committee and Hai Phong City People's Committee. In Vietnamese.

Anon. (undated) [List of plant and animal species at Cat Ba National Park]. Unpublished list of plants. In Vietnamese.

Cheung, C. P. S. (1992) Report on a visit to the coasts of Vietnam. Unpublished report to WWF Asian Region.

Cheung, C. and Vo Si Tuan (1993) Survey report on the biodiversity, resource utilization and conservation potential of Cat Ba region, Hai Phong, northern Vietnam. Gland: WWF International and the Institute of Oceanography, Nha Trang

Dang Huy Huynh, Cao Van Sung and Le Xuan Canh (1996) A report on the survey for biological resources in Cat Ba National Park, north Vietnam. Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources.

Deharveng, L. (1998) Ha Long bay biodiversity survey: cave fauna. Unpublished report.

EVS (1996) Coastal and marine environmental management for Ha Long bay, Socialist Republic of Vietnam: final report. Vancouver: EVS Environmental Consultants.

FFI Indochina Programme (1999) Cat Ba National Park: background information. Briefing paper of the Fauna and Flora International Indochina Programme.

FFI Indochina Programme (2000) Hope on the horizon for the Golden-headed Langur. Hanoi: Fauna and Flora International Press Release, June 2000.

KNCCN, IEBR and HNU (1997) Ecosystem and biodiversity of Cat Ba National Park and Ha Long bay, Vietnam. Seoul: The Korean National Council for Conservation of Nature, the Institute of Ecology and Biological Resources, Hanoi, and Hanoi National University.

Kottelat, M. (1998) Fishes observed on Cat Ba island and in Quang Ninh province between 20 Sept and 5 Oct 1998. Unpublished report.

Le Xuan Canh and Campbell, B. (1994) Population status of *Trachypithecus francoisi poliocephalus* in Cat Ba National Park. Asian Primates 3: 16-19.

Nadler, T. (1999) Golden-headed Langur *Trachypithecus poliocephalus* in the Endangered Primate Rescue Centre, Vietnam and the situation of the species in the wild. EPRC Newsletter 4: 17-19.

Nadler, T. and Ha Thang Long (2000) The Cat Ba Langur: past, present and future: the definitive report on *Trachypithecus poliocephalus*, the world's rarest primate. Hanoi: Endangered Primate Rescue Centre.

Nettelbeck, A. R., Nadler, T., Duckworth, W. and Nguyen Thi Thu Hien (1998) A visit to Cat Ba National Park, Vietnam. Unpublished report to Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Nguyen Thi Son (1997) Nature-based tourism and national parks in developing countries: the case of Cat Ba Island National Park, Vietnam. Thesis submitted to University of New England, Australia.

Ridsdale, C. E. (undated) Cat Ba National Park, Vietnam. Unpublished report to the Netherlands Management Cooperation Programme.

Scott, D. A. (1989) A directory of Asian wetlands. Gland: IUCN.

Timko, J. (undated) Achieving ecological harmony: the convergence of ecological knowledge and biodiversity conservation in Cat Ba National Park, Vietnam. Unpublished report.

Vermeulen, J. J. and Whitten, A. J. (1998) Land and freshwater molluscs of the karst regions ENE of Haiphong and the Cuc Phuong National Park, northern Vietnam. Unpublished report to IUCN Vietnam, Fauna and Flora International Indochina Programme and the Management Authorities of Ha Long Bay World Heritage Site and Cat Ba and Cuc Phuong National Parks.